

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HS-ST
Ngày 14/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng;
2. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trọng Nghĩa - Kiểm sát viên; bà Lê Thị Mỹ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2021/HSST ngày 06/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HS ngày 30/8/2021 đối với bị cáo:

Lê Tấn T; sinh ngày 03/6/1984; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê K, con bà Nguyễn Thị N; bị cáo có vợ, có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: bị cáo có 01 tiền án: Ngày 27/4/2021 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lưu Văn L, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Minh D, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A, đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt;

2. Ông Lê Đức O, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tấn T và anh Lưu Văn L là bạn chơi với nhau từ thời học phổ thông. T biết anh L có 01 xe mô tô AriBlade nên nảy sinh ý định mượn xe AriBlade của anh L mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 08 giờ 00 ngày 06/6/2021, T điện thoại cho anh L hỏi mượn xe Ariblade biển kiểm soát 59Y1-976.90 để đi giải quyết công việc và mượn luôn cả giấy đăng ký xe để gặp Công an thì có giấy tờ xe để xuất trình, anh L tin và đồng ý. Lúc này, T điều khiển xe mô tô loại Attila, màu đỏ, biển kiểm soát 76E1-003.65 của vợ là chị Nguyễn Thị T từ thị trấn L, huyện T đến tại số nhà C, đường T, thành phố Q nơi anh L đang làm việc. T để lại xe Attila cho anh L và điều khiển xe mô tô AriBlade biển kiểm soát 59Y1-976.90 đến thẳng cơ sở dịch vụ cầm đồ M (ở địa chỉ số A, đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do ông Phạm Minh D, sinh năm 1978 là chủ cơ sở) cầm cố với số tiền 7.000.000 đồng. Đến chiều ngày 06/6/2021 anh L nhiều lần điện thoại cho T yêu cầu trả xe thì T nói chưa về Quảng Ngãi, sau đó T tắt điện thoại nên anh L không liên lạc được. Đến sáng ngày 09/6/2021, Lê Tấn T quay lại dịch vụ cầm đồ M bán xe mô tô AriBlade biển kiểm soát 59Y1-976.90 cho ông Lê Đức O với giá 10.000.000 đồng, trả 7.300.000 đồng cho ông D, lấy 2.700.000 đồng. Tiền cầm cố và bán xe 59Y10976.90 Tài đã tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 15/6/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q, kết luận 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 59Y1-976.90, nhãn hiệu Honda, số loại Ari Blade, loại xe: Hai bánh; màu sơn: Xanh-Bạc-Đen; Số máy: JF63E1468344; Số khung: 6306FZ468319 trị giá 25.650.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 71/CT-VKS, ngày 04/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo Lê Tấn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 174, điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều

51; điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 56, 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; tổng hợp hình phạt theo quy định; buộc ông Phạm Minh D nộp 300.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Tấn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Do nảy sinh ý định mượn xe AriBlade của anh L để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 06/6/2021 bị cáo mượn xe và giấy đăng ký xe mô tô AriBlade của anh L, sau đó cầm cố tại Dịch vụ cầm đồ M với số tiền 7.000.000 đồng, bán cho ông O để lấy thêm 3.000.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Q đã kết luận xe mô tô AriBlade nêu trên có giá trị là 25.650.000 đồng. Lời khai nhận của bị cáo đúng như mô tả trong Bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã khắc phục hậu quả cho ông Lê Đức O; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 27/4/2021 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 06/6/2021 lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án với thời hạn nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Về dân sự: Anh Lưu Văn L, ông Lê Đức O đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với ông Phạm Minh D khi nhận cầm cố xe mô tô AriBlade, biển kiểm soát 59Y1-976.90 không biết xe mô tô trên là do bị cáo phạm tội mà có nên hành vi của ông D không có dấu hiệu phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tại phiên tòa, bị cáo T và ông D đều trình bày là ông D có nhận của bị cáo Tài 300.000 đồng tiền lãi, đây là số tiền có được từ việc mua bán tài sản phạm tội mà có nên buộc ông D nộp sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với ông Lê Đức O khi mua xe mô tô AriBlade, biển kiểm soát 59Y1-976.90 không biết xe mô tô trên là do bị cáo phạm tội mà có nên hành vi của ông O không có dấu hiệu phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 59Y1-976.90; giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 042553, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Quảng Ngãi đã trả lại cho anh Lưu Văn L là đúng quy định của pháp luật;

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 76E1-003.65, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Quảng Ngãi đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T là đúng quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo T phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân

dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ tại Bản án số 09/2021/HS-ST từ 28/12/2020 đến 31/12/2020.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 174, các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 47, 56, Khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; các Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Tấn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Lê Tấn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.
3. Buộc bị cáo Lê Tấn T phải chấp hành hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
4. Buộc bị cáo Lê Tấn T phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 (hai) bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/6/2021, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 28/12/2020 đến 31/12/2020.
5. Buộc ông Phạm Minh D nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung Ngân sách Nhà nước.
6. Buộc bị cáo Lê Tấn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
7. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CQCSĐT Công an TP Quảng Ngãi;
- Bộ phận HSNV Công an
thành phố Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh

